TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒA VANG** **TP ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2021/HNGĐ-ST
Ngày 23 tháng 3 năm 2021
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG - TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Huỳnh Thị Thu Thương
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Tán Nghị
2. Bà Lê Thị Hồng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Văn Vỹ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Nghiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 141/2020/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2020 về việc "Ly *hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Cao T, sinh năm 1960; Địa chỉ: 18x/5x/1x đường S, p 10, quận B, thành phố H (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Thanh L, sinh năm: 1984; Địa chỉ: T 14, phường T, quận H, thành phố Đ. (Có mặt)

Bị đơn: Bà Mai Thị T - sinh năm 1981; Địa chỉ: Thôn S, xã H, huyện H, thành phố Đ. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/10/2020 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Trần Cao T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Mai Thị T xây dựng gia đình có đăng ký kết hôn vào năm 2001 tại UBND xã H, huyện H, thành phố Đ. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống chung tại thôn S, xã H, huyện H, thành phố Đ. Vợ chồng chung sống một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình và quan điểm sống không phù hợp nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, bà T có mối quan hệ bất chính với người đàn ông khác bên ngoài. Mặc dù ông T đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng bà T vẫn không thay đổi,

ông và bà T đã sống ly thân hơn 5 năm. Mâu thuẫn vợ chồng không hòa giải được, tình cảm vợ chồng không còn, ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà Mai Thị T.

Về quan hệ con chung: Ông T xác định vợ chồng có 02 con chung là Trần Cao Minh Ti, sinh ngày 06.11.2003 và Trần Cao Minh Tu, sinh ngày 20.5.2009. Ly hôn ông T yêu cầu nuôi cả 02 con, và ông xác định không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

* Bị đơn bà Mai Thị T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà T vắng mặt không có lý do.

* Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày luận cứ:

Về thủ tục tố tụng: đã đảm bảo đầy đủ các quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án:Về quan hệ hôn nhân, ông Trần Cao T và bà Mai Thị T kết hôn hợp pháp, trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã, hai vợ chồng đã sống ly thân hơn 5 năm nay. Do đó, hôn nhân của ông T và bà T đã không còn tồn tại trên thực tế, mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, không hàn gắn được. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Trần Cao T đối với và Mai Thị T.

Về quan hệ con chung: Ông T và bà T có hai con chung tên là Trần Cao Minh Ti, sinh ngày 06.11.2003 và Trần Cao Minh Tu, sinh ngày 20.5.2009. Hiện nay cả hai con đều đang sinh sống cùng ông T, đồng thời cả hai cháu đều có nguyện vọng được sống cùng cha. Ngoài ra ông T cũng có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Do đó, đề nghị HĐXX căn cứ Điều 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình giao hai con Trần Cao Minh Ti và Trần Cao Minh Tu cho ông Tuấn trực tiếp nuôi dưỡng, bà T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản, nợ chung: Ông Trần Cao T xác định không có.

Đối với án phí và các chi phí tố tụng khác, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tài liệu, chứng cứ của vụ án gồm: Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); 01 CCCD và 01 sổ hộ khẩu, 02 giấy khai sinh (bản photo chứng thực); 01 Bản trình bày ý kiến của nguyên đơn, 02 bản tự khai của con; Biên bản xác minh tại địa phương.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang đề

nghị HĐXX áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của ông Trần Cao T; Về quan hệ hôn nhân, đề nghị xử cho ông T được ly hôn bà Mai Thị T; Về con chung, đề nghị xử giao 02 con Trần Cao Minh Ti, sinh ngày 06.11.2003 và Trần Cao Minh Tu sinh ngày 20.5.2009 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, bà T không cấp dưỡng nuôi con. Án phí dân sự sơ thẩm ông T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và địa chỉ nơi cư trú của bị đơn thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Bị đơn bà Mai Thị T được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do, HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227 BLTTDS xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Ông Trần Cao T và bà Mai Thị T xây dựng gia đình với nhau có đăng ký kết hôn vào năm 2001 tại UBND xã H, huyện H, thành phố Đ. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Đây là cuộc hôn nhân hội đủ các điều kiện do Luật hôn nhân và gia đình quy định nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình giải quyết vụ án, ông T cho rằng trong thời gian chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình và quan điểm sống không hợp nên vợ chồng thường cải nhau, bà T có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác ở bên ngoài. Mặc dù ông T đã nhiều lần khuyên bảo nhưng bà T không thay đổi. Hiện tại vợ chồng đã sống ly thân, mâu thuẫn không hòa giải được, tình cảm vợ chồng không còn. Qua xác minh tại địa phương cho thấy vợ chồng ông T, bà T có hộ khẩu tại địa phương nhưng bà T đã chuyển đi nơi khác sống và không thông báo địa chỉ mới. Xét thấy, vợ chồng giữa ông T và bà T đã không còn sống chung, mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể hòa giải, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy HĐXX căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T và xử cho ông được ly hôn bà Mai Thị T.

[3] Về con chung: Ông T xác định có 02 con chung là Trần Cao Minh Ti, sinh ngày 06.11.2003 và Trần Cao Minh Tu, sinh ngày 20.5.2009 và yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con. Xét con Trần Cao Minh Ti và Trần Cao Minh Tu đều trên 7 tuổi có nguyện vọng được ở với cha nên HĐXX giao 02 con cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Các bên có các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Ông T xác định không có nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] Án phí Dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn ông T phải chịu là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*.

[6] Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang

đối với việc giải quyết vụ án phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Cao T đối với bà Mai Thị T về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Trần Cao T được ly hôn bà Mai Thị T.

Về con chung: Xử giao 02 con Trần Cao Minh Ti, sinh ngày 06.11.2003 và Trần Cao Minh Tu, sinh ngày 20.5.2009 cho ông Trần Cao T trực tiếp nuôi dưỡng, bà Mai Thị T không cấp dưỡng nuôi con.

Án phí Dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* ông Trần Cao T phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* ông T đã nộp tại biên lai thu số 0000409 ngày 15.10.2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Ông T đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai, báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Huỳnh Thị Thu Thương

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND h. Hoà Vang;
- Chi cục THADS h. Hoà Vang;
- UBND xã Hòa Châu;
(GCNKH số 76/2012)
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND h. Hoà Vang;
- Chi cục THADS h. Hoà Vang;
- UBND xã Hòa Châu;
(GCNKH số 76/2012)
- Lưu hồ sơ;

Huỳnh Thị Thu Thương